

Bản án số: 36/2025/HNGĐ-ST

Ngày 30- 10-2025.

V/v Tranh chấp: Ly hôn và nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thuý Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Nga; Bà Ngô Thị Như Hoa

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền – TTVC Tòa án nhân dân Khu vực 12, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Phú Thọ tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 12, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 69/2025/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28a/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Phú Thọ) giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Triệu Tiến T, sinh năm 1987; (*Có mặt*)

- Bị đơn: - Bị đơn: Chị Đặng Thị N, sinh năm 1986; (*Vắng mặt*)

Cùng cư trú: Xóm T, xã T, tỉnh Phú Thọ;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 5/8/2025 và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, nguyên đơn là anh Triệu Tiến T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Triệu Tiến T và chị Đặng Thị N chung sống và đăng ký kết hôn ngày 08/10/2008, tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C nay là xã T, tỉnh Phú Thọ trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục truyền thống địa phương. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị N ngoại tình với người khác. Năm 2020 chị N bỏ nhà đi sau đó một thời gian chị N quay về và đưa hai con gái cùng đi, đến năm 2023 chị N trở về lấy giấy tờ để làm thủ tục cho các con đi học ở nơi ở mới, chị N đưa con đi đâu sinh sống không nói cho anh T và gia đình biết, anh T chỉ thấy thỉnh thoảng chị N có gọi điện hỏi thăm con trai là Triệu Quang H nhưng cũng không cho biết đang ở đâu. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, không còn quan tâm đến nhau nữa, anh T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đặng Thị N.

Về con chung: Anh Triệu Tiến T và chị Đặng Thị N có 03 (ba) con chung là cháu Triệu Thị Phương L; sinh ngày 06/11/2009; cháu Triệu Quang H; sinh ngày 13/9/2011 và cháu Triệu Thị N1; sinh ngày 23/8/2017. Hiện nay cháu L và cháu N1 đang sinh sống cùng mẹ là chị Đặng Thị N, do đó cần tiếp tục giao cho chị Đặng Thị N trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu L và cháu N1 cho đến khi cháu L và cháu N1 đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác theo quy định pháp luật. Cháu Triệu Quang H hiện đang ở cùng với bố. Cháu H cũng có nguyện vọng ở với bố, anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Triệu Quang H, do đó cần giao cháu H cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Vợ chồng không vay nợ chung của tổ chức, cá nhân nào, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Bị đơn chị Đặng Thị N:

Về phía bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bị đơn đến làm việc và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng tại các buổi làm việc, phiên họp, phiên hòa giải chị N đều không có mặt, cố tình giấu địa chỉ, trước khi đi khỏi nhà đã yêu cầu anh T làm ly hôn đơn phương.

Ngày 20/8/2025 Tòa án đã tiến hành xác minh tại nơi cư trú của chị Đặng Thị N:

- Bà Dương Thị L1 là mẹ đẻ anh Triệu Tiến T cho biết: Anh T và chị N kết hôn năm 2008, sau khi kết hôn vợ chồng về ở cùng gia đình nhà chồng, hiện nay anh T vẫn đang ở cùng, khoảng 5 năm nay chị N bỏ đi đâu không rõ, gia đình không biết ở đâu, khi đi chị N đưa cả hai con gái đi cùng, một thời gian sau chị N quay về làm giấy tờ cho các cháu đi học ở chỗ mới, ở đâu gia đình không rõ. Vợ chồng anh T, chị N có mâu thuẫn nhưng gia đình không nắm rõ chỉ nghe anh T nói chị N có người khác nên bỏ đi.

- Ông Triệu Tiến N2 – Trưởng xóm T cung cấp: Anh Triệu Tiến T, chị Đặng Thị N và các con có hộ khẩu tại xóm T. Hiện nay chị N không có mặt tại địa phương, khi đi chị N đưa theo 2 con gái là cháu Triệu Thị Phương L và Triệu Thị N1 đi cùng. Về mâu thuẫn vợ chồng xóm không nắm rõ, do anh chị thường xuyên đi làm ăn xa nhà, chỉ nghe nói chị N có người đàn ông khác, vợ chồng đã sống ly thân nhưng chưa ly hôn. Về con cái anh chị có 3 con như T kê khai là đúng. Hiện nay chỉ có cháu H ở cùng anh T.

- Công an xã T - Phú Thọ, nơi chị N cư trú cung cấp: Chị Đặng Thị N; sinh ngày 12/10/1986; Cháu Triệu Thị Phương L; sinh ngày 06/11/2009; Cháu Triệu Thị N1; sinh ngày 23/8/2017 có hộ khẩu thường trú tại Xóm T, xã B Nay là xã T, tỉnh Phú Thọ.

* Tại phiên tòa:

- Anh T giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện, chị N vắng mặt không có lý do.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 – Phú Thọ phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:*

Về tố tụng:

+ *Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử:* Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ *Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật, bị đơn chị Đặng Thị N vắng mặt tại nơi cư trú, Tòa án đã tiến hành tổng đạt và tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho chị N tại nơi cư trú, chị N không có mặt theo Giấy triệu tập và tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải là đã vi phạm quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 70, điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự, việc Tòa án xét xử vắng mặt chị N là đúng trình tự, thủ tục của pháp luật quy định.

Về nội dung: Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 58; Điều 81, 82, 83, 84 Luật HNGĐ năm 2014; Căn cứ Điều 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật 85/2025 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội (*Sửa đổi, bổ sung Điều 35 của Bộ luật Dân sự năm 2015*). Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Triệu Tiến T với chị Đặng Thị N.

2. Chấp nhận giao con chung Triệu Quang H, SN 13/9/2011 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi; Chấp nhận giao con chung Cháu lớn tên Triệu Thị Phương L, SN 06/11/2009; cháu Triệu Thị N1, SN 23/8/2017 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh T chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản, nợ chung: Anh T xác nhận không có không đề nghị giải quyết.

4. Về án phí Dân sự: Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử xét thấy:

(1) Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án và xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; bị đơn là chị Đặng Thị N có nơi cư trú tại xóm T, xã B. Nay là xã T, tỉnh Phú Thọ. Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Phú Thọ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Việc cấp, tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho anh T, chị N đúng quy

định của pháp luật; tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử lần thứ nhất, chị N đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Tòa án đã tiến hành gửi, niêm yết các văn bản tố tụng đảm bảo đúng trình tự, thủ tục của pháp luật tố tụng dân sự; chị N vắng mặt; Tòa án xét xử trong thời hạn luật định.

(2) Về nội dung:

- *Về hôn nhân*: Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai của anh Triệu Tiến T và biên bản xác minh thì anh T, chị N kết hôn với nhau ngày 08/10/2008 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, nay là xã T, tỉnh Phú Thọ trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị N ngoại tình với người đàn ông khác. Năm 2020 chị N bỏ đi và đưa hai con gái đi cùng, đến năm 2023 chị N trở về nhà lấy giấy tờ cho con đi học ở nơi mới nhưng không nói cho gia đình biết đang ở đâu, anh T chỉ được nghe con trai anh là Triệu Quang H nói là thỉnh thoảng chị N có gọi điện về cho con trai. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, anh T có đơn xin ly hôn. Xét thấy anh T chị N đã sống ly thân, cuộc sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được cần giải quyết cho ly hôn.

- *Về con chung*: Vợ chồng anh T, chị N có 03 con chung là cháu Triệu Thị Phương L; sinh ngày 06/11/2009; cháu Triệu Quang H; sinh ngày 13/9/2011 và cháu Triệu Thị N1; sinh ngày 23/8/2017. Hiện hai cháu L và cháu N1 đang ở cùng với chị N, do đó cần thiết tiếp tục giao hai cháu L và cháu N1 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu H đang ở cùng với anh T. Xét thấy cần tiếp tục giao cháu H cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

- *Về tài sản chung*: vợ chồng anh T, chị N không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết.

- *Về công nợ chung*: Vợ chồng anh T, chị N không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

(3) *Về án phí*: Anh Triệu Tiến T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm

(4) *Q kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật;

Vĩ lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- *Căn cứ*: Khoản 1 Điều 28; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 2 Điều 227; 228; Điều 147 Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự ; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56; Điều 57, Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 81 và Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a, khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của ủy ban T1.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Triệu Tiến T. Anh Triệu Tiến T được ly hôn với chị Đặng Thị N.

- *Về con chung*: Giao cháu Triệu Quang H; sinh ngày 13/9/2011 cho anh Triệu

Tiến T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu H đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác theo quy định pháp luật.

Giao cho chị Đặng Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Triệu Thị Phương L; sinh ngày 06/11/2009 và cháu Triệu Thị N1; sinh ngày 23/8/2017 cho đến khi hai cháu L và cháu N1 đủ 18 tuổi hoặc có quyết định khác theo quy định khác của pháp luật.

Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Anh T và chị N có được quyền thăm nom con chung theo quy định pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người đó.

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản:* Các đương sự không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về công nợ chung:* Các đương sự không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* Anh Triệu Tiến T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, anh T được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Hòa Bình theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001368 ngày 13/8/2025 nay không phải nộp nữa.

- *Quyền kháng cáo:* Anh Triệu Tiến T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Chị Đặng Thị N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND Khu vực 12 – Phú Thọ
- Cục THA tỉnh Phú Thọ
- UBND xã Thung Nai, T. Phú Thọ;
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thuý Hằng